

CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH PHÙ HỢP

Người trình bày: PGS.TS. Võ Thành Danh
TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2022



NỘI DUNG

- **GIỚI THIỆU CHUNG**
- **CƠ SỞ LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**
- **KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**
 - **THỰC TRẠNG CNH-HĐH NN NT VIỆT NAM**
 - **THỰC TRẠNG KT-XH & CNH-HĐH NN NT ĐBSCL**
 - **DỰ BÁO TIẾN TRÌNH CNH-HĐH**
 - **ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH CNH-HĐH NN NT ĐBSCL**
- **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**



GIỚI THIỆU CHUNG

- **Quan điểm hiện đại về PTNN (OECD 2006):**
 - ✓ Chính trị - thể chế
 - ✓ Văn hoá – xã hội
 - ✓ Kinh tế
 - ✓ Môi trường
- **Vấn đề phát triển của ĐBSCL**
- **Yêu cầu CNH-HĐH NN NT**



GIỚI THIỆU CHUNG

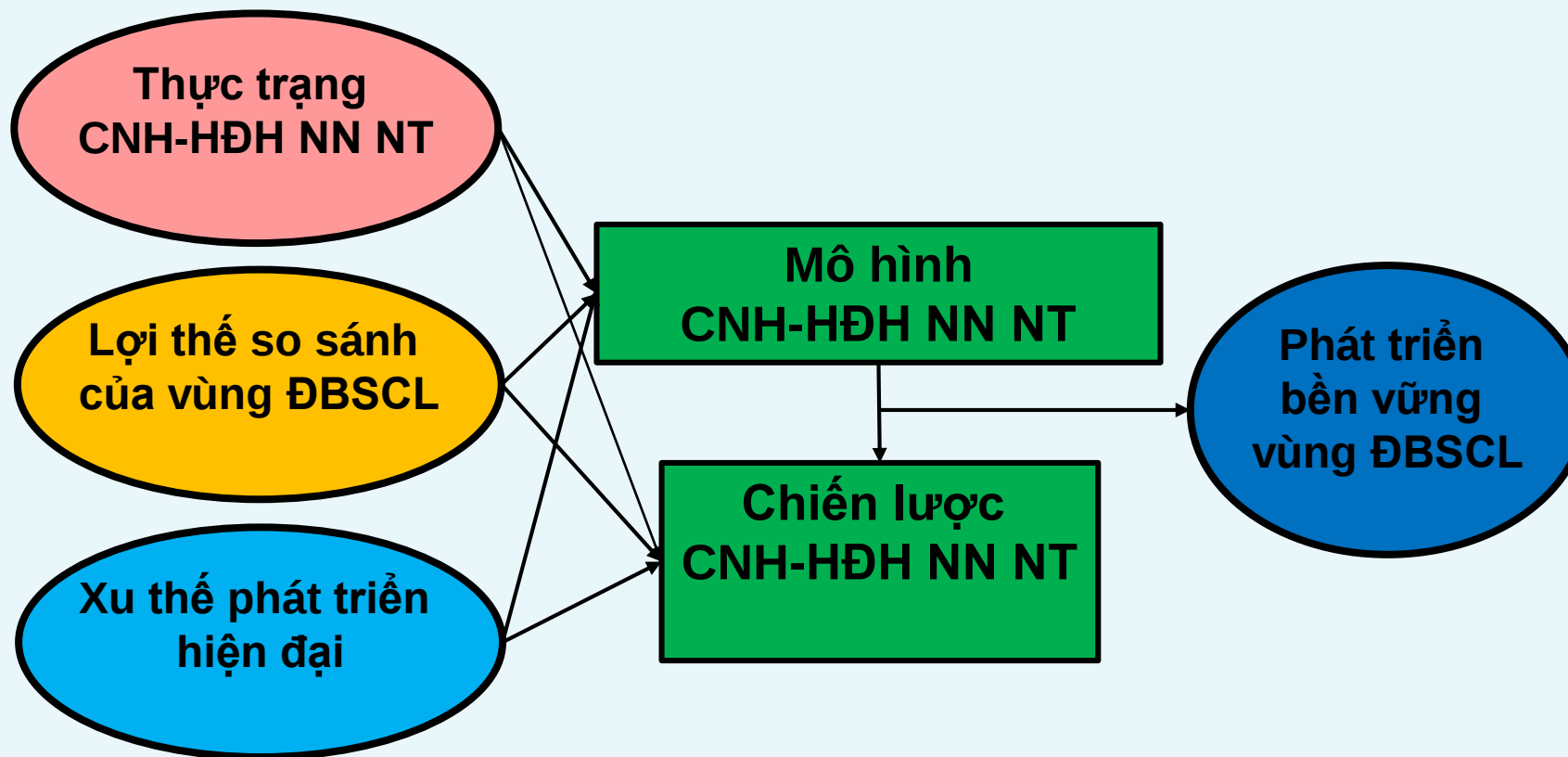
Mục tiêu nghiên cứu

**Nghiên cứu thực trạng CNH-HĐH NN NT vùng ĐBSCL
và đề xuất các mô hình CNH-HĐH NN NT phù hợp cho vùng.**



CƠ SỞ LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khung nghiên cứu





GIỚI THIỆU CHUNG

Các tiêu chí đo lường CNH-HĐH NN NT

- **Bộ KH&ĐT:**
 - ✓ Tỷ trọng NN/GDP $\leq 10\%$
 - ✓ Tỷ lệ lao động NN/tổng lao động $\leq 20\%$
 - ✓ Tỷ lệ đô thị hoá $\geq 50\%$
- **Các tiêu chí khác:**
 - ✓ OECD (2006): 07 nhóm tiêu chí với 20 chỉ số
 - ✓ EU (2007): 05 nhóm tiêu chí với 54 chỉ số
 - ✓ WB (2007): 06 nhóm tiêu chí
 - ✓



CƠ SỞ LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp thu thập số liệu**
 - **Số liệu giai đoạn 1991-2020 được lấy từ cơ sở dữ liệu của World Bank (World Development Indicators 2022)**
 - **Số liệu từ NGTK**
- **Phương pháp phân tích**
 - **Thống kê mô tả**
 - **Hồi quy**
 - **Phân tích kịch bản**



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Kinh nghiệm quốc tế về CNH-HĐH NN NT

- ✓ Không hy sinh NN để phát triển CN (**Hàn Quốc**)
- ✓ Chính sách bảo hộ NN (**Đài Loan**)
- ✓ Tái cấu trúc & Đầu tư mạnh KHCN vào NN (**Trung Quốc**)
- ✓ Thu hút FDI cho NN & c/s PTNN (**Thái Lan**)
- ✓ NN thông minh, NN 4.0 (**Israel**)

- **Hàn Quốc:** thu nhập và đời sống của nông dân được cải thiện & không có phân hóa thu nhập giữa nông thôn với thành thị như trong mô hình phát triển nhị nguyên (hy sinh NN để phát triển công nghiệp) (Fancks, 2000).
- **Đài Loan:** sự quan tâm đầu tư, bảo hộ ngành NN của chính phủ (Tsakok, 2011). Tỷ lệ bảo hộ cho ngành NN cao hơn mức trung bình của các nước phát triển (Fancks, 2000).
- **Trung Quốc:** đầu tư vào R&D trong NN (Tsakok 2011), hình thành lĩnh vực nghiên cứu toàn diện trong NN (Lê Thế Cương 2013). Ngoài ra, yếu tố cấu trúc góp phần hiện đại hóa NN Trung Quốc (ADB 1994).
- **Thái Lan:** chính sách ưu đãi đầu tư vào NN, thu hút FDI vào NN, chính sách PTNN, ...
- **Israel:** NN thông minh, NN 4.0



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng CNH-HĐH NN NT Việt Nam (Nông nghiệp)

Tỷ trọng NN/GDP (%) giai đoạn 2000-2020:

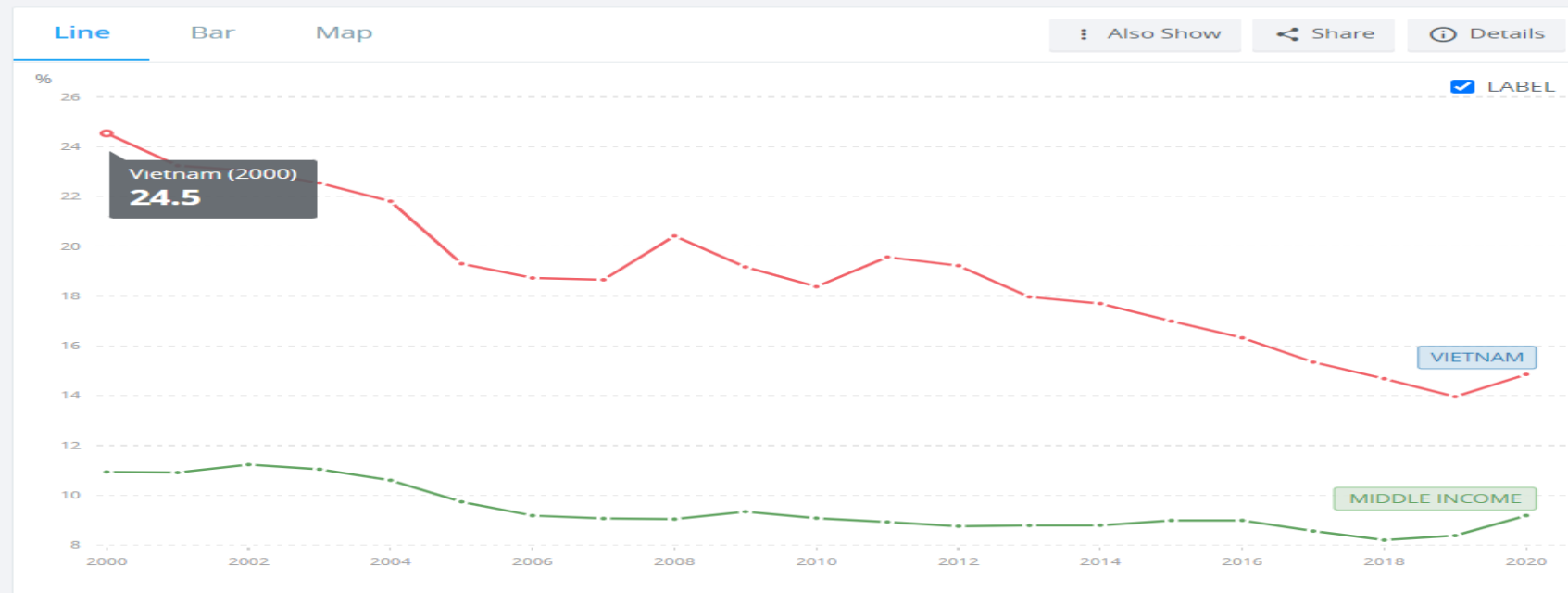
Trường hợp Việt Nam và các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình

**Năm 2020: 14,85%;
bình quân giảm
0,64%/năm trong giai
đoạn 1991-2020**

Agriculture, forestry, and fishing, value added (% of GDP) - Vietnam, Middle income

World Bank national accounts data, and OECD National Accounts data files.

License : CC BY-4.0



**Ghi chú: chuẩn CNH-HĐH:
(Tỷ trọng NN/GDP $\leq$ 10%)**

Nguồn: World Bank - World Development Indicators (2022)



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng CNH-HĐH NN NT Việt Nam (Lao động nông nghiệp/Tổng lao động)

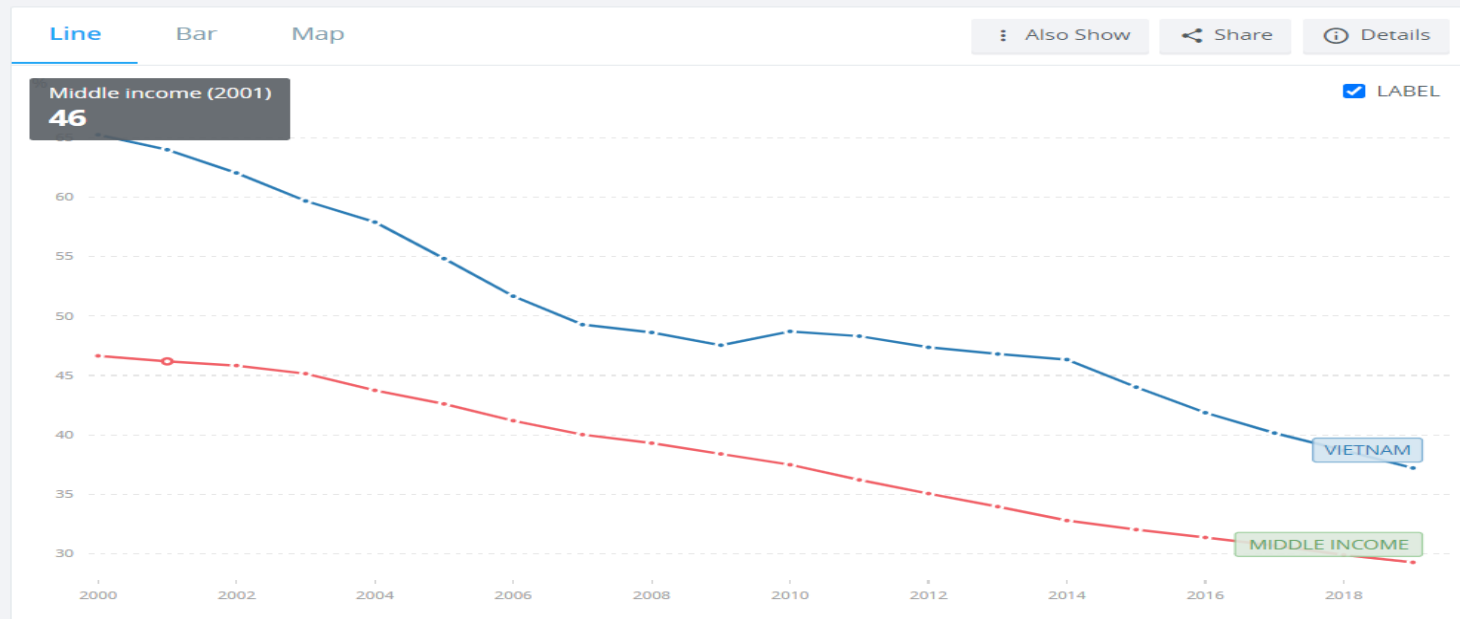
Tỷ trọng LĐNN/Tổng LĐ (%) giai đoạn 2000-2020:
Trường hợp Việt Nam và các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình

- ✓ Năm 2020: tỷ lệ LĐNN/Tổng LĐ là 37%
- ✓ Giai đoạn 1991-2020: tỷ lệ lao động NN giảm bình quân 1,23%/năm

Employment in agriculture (% of total employment) (modeled ILO estimate) - Vietnam, Middle income

International Labour Organization, ILOSTAT database. Data retrieved on January 29, 2021.

License : CC BY-4.0



Ghi chú: chuẩn CNH-HĐH:
(LĐNN/Tổng LĐ $\leq$ 20%)

Nguồn: World Bank - World Development Indicators (2022)



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

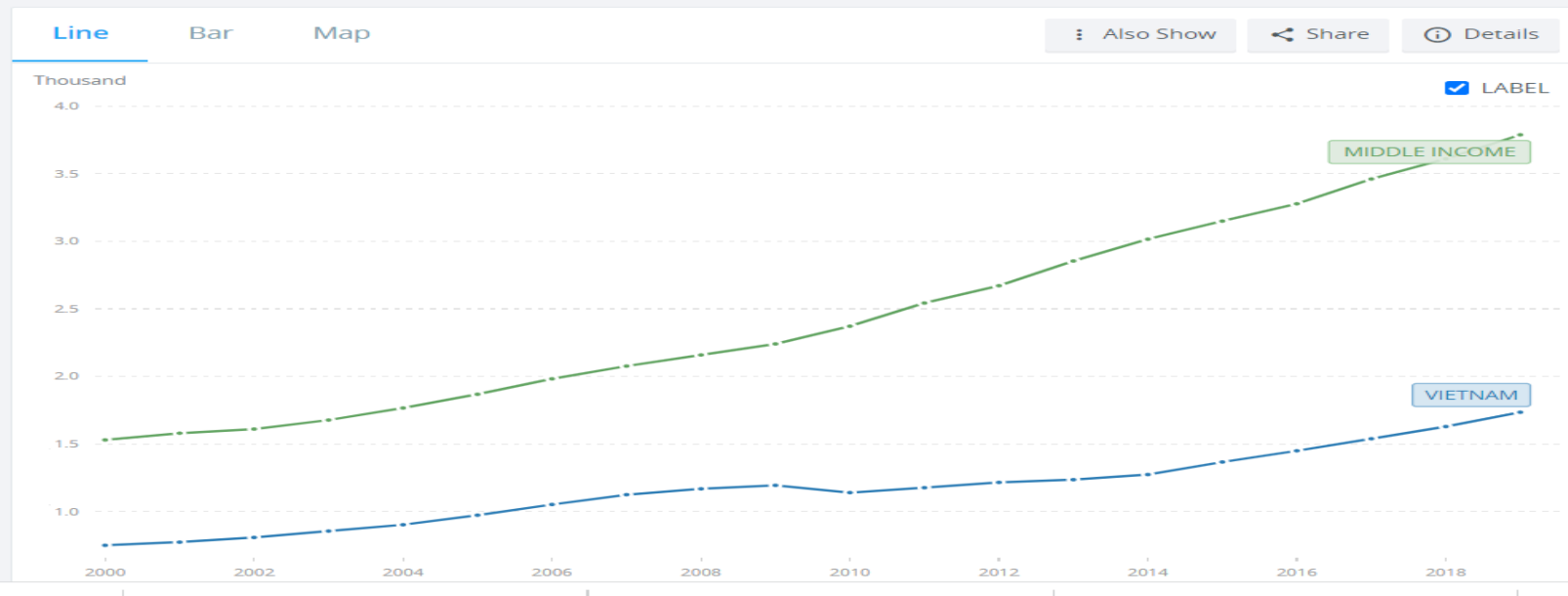
Thực trạng CNH-HĐH NN NT Việt Nam (Năng suất lao động nông nghiệp)

Năng suất LĐNN (giá USD cố định 2015) giai đoạn 2000-2020:
Trường hợp Việt Nam và các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình

Agriculture, forestry, and fishing, value added per worker (constant 2015 US\$) - Vietnam, Middle income

Derived using World Bank national accounts data and OECD National Accounts data files, and employment data from International Labour Organization, ILOSTAT database.

License : CC BY-4.0



Nguồn: World Bank - World Development Indicators (2022)

NSLĐ NN của Việt Nam đã chứng lại trong những năm 2009-2010 và chỉ phục hồi lại từ năm 2014 đến nay.



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng CNH-HĐH NN NT Việt Nam

(Tỷ lệ đô thị hoá)

Tỷ lệ dân số nông thôn/tổng dân số (%) giai đoạn 2000-2020:
Trường hợp Việt Nam và các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình

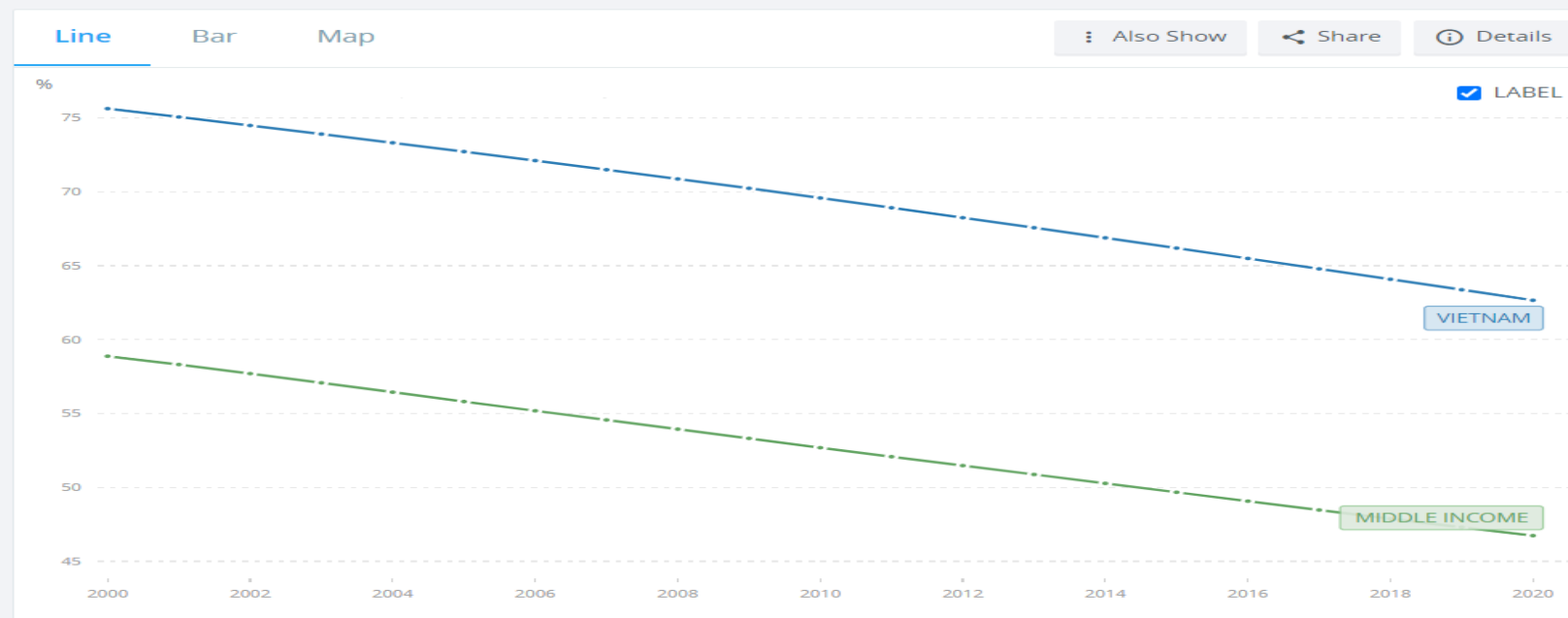
Quá trình ĐTH có thay đổi lớn từ năm 2016 đến nay nhưng vẫn chưa đạt chuẩn CNH-HĐH và còn khoảng cách lớn so với các nước có thu nhập trung bình.

Ghi chú: chuẩn CNH-HĐH:
(TLĐTH $\geq 50\%$)

Rural population (% of total population) - Vietnam, Middle income

World Bank staff estimates based on the United Nations Population Division's World Urbanization Prospects: 2018 Revision.

License : CC BY-4.0



Nguồn: World Bank - World Development Indicators (2022)



CANTHO UNIVERSITY

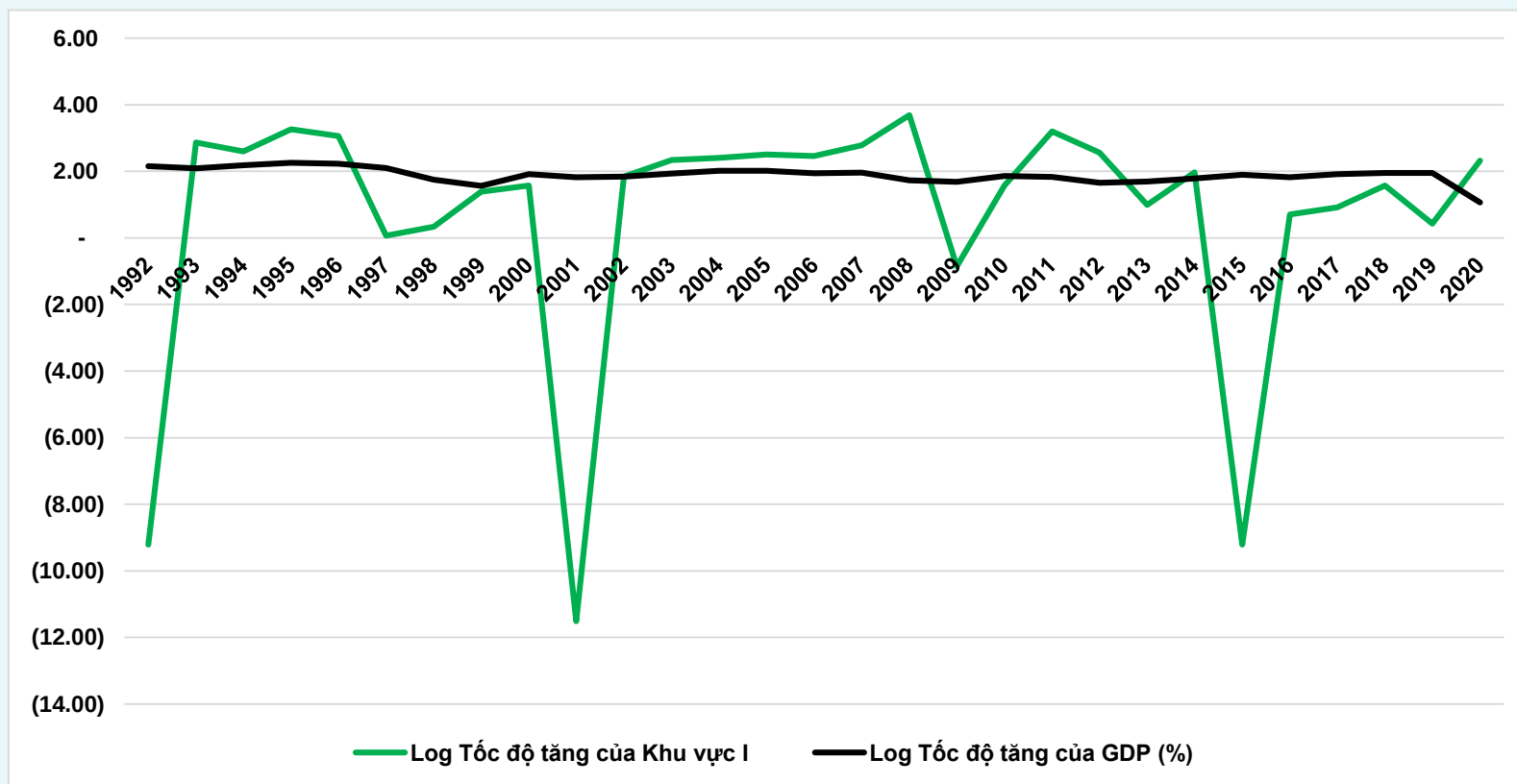
KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng CNH-HĐH NN NT Việt Nam

(Tương quan giữa nông nghiệp và nền kinh tế Việt Nam)

So sánh thay đổi giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)
và tốc độ tăng trưởng NN

Tăng trưởng của NN
Việt Nam có nhiều
thăng trầm trong suốt
giai đoạn 1992-2020
trong khi tăng trưởng
của nền kinh tế ổn định
hơn.



Nguồn: World Bank - World Development Indicators (2022)



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng phát triển ĐBSCL

Thông tin kinh tế vĩ mô ở ĐBSCL (Nguồn: Lê Minh Sơn và Bùi Kiều Anh 2020 *Determinants of economic growth in the Mekong Delta provinces* - DOI: 10.22144/ctu.jen.2020.003)

- ✓ TNBQ/người thấp
- ✓ Chi KHCN thấp
- ✓ Thu hút FDI thấp
- ✓ ĐTH thấp

Biến số	Ý nghĩa	STB
GRDPPERCAP	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	23,75
POP	Dân số (triệu người)	1,66
rG_ALL	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương/GRDP (%)	26,0
rG_EDUSCI	Tỷ lệ chi NSDP cho đào tạo nghề, KHCN/GRDP (%)	4,0
rG_REST	Tỷ lệ chi NSDP khác (%)	22
rl_ALL	Tỷ lệ tổng đầu tư/GRDP (%)	40,0
rl_FDI	Tỷ lệ FDI/GRDP (%)	2,0
rl_LOCAL	Tỷ lệ tổng đầu tư từ NSDP/GRDP (%)	37,0
INFRA_ROAD	Tổng lượng lưu chuyển hàng hoá (triệu tấn-km)	199
CP1	Tỷ lệ đô thị hoá (%)	17,0



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng phát triển ĐBSCL

Các yếu tố ảnh hưởng đến TNBQ/người ở ĐBSCL

Biến số	Ý nghĩa	HS hồi quy
C	Hệ số tự do	11,98*** (0,000)
lnPOP	Ln(Dân số)	-0,667*** (0,000)
rG_EDUSCI	Tỷ lệ chi NSDP cho giáo dục, đào tạo, KHCN/GRDP (%)	-11,10*** (0,001)
rG_REST	Tỷ lệ chi NSDP khác (%)	0,416 (0,588)
rl_FDI	Tỷ lệ FDI/GRDP (%)	1,35 (0,245)

Áp lực dân số
và nghịch lý
đầu tư KHCN



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Thực trạng phát triển ĐBSCL

Các yếu tố ảnh hưởng đến TNBQ/người ở ĐBSCL (tt)

Biến số	Ý nghĩa	HS hồi quy
rl_LOCAL	Tỷ lệ tổng đầu tư từ ngân sách địa phương/GRDP (%)	-0,13 (0,467)
lnROAD	Ln(Tổng lượng lưu chuyển hàng hoá)	0,17*** (0,000)
CP1	Tỷ lệ đô thị hoá (%)	0,31 (0,297)
R2 = 0,734 n = 91		

Phát triển kết
cấu hạ tầng là
động lực cho
tăng trưởng KT



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Điểm nghẽn phát triển

- Các chiến lược phát triển ĐBSCL chưa khai thác hết lợi thế của vị trí địa lý - chính trị đặc biệt của vùng.
- Tính kết nối vùng còn kém (cả nội vùng và ngoại vùng).
- Nguồn lực tích lũy nội bộ cho đầu tư phát triển của vùng ĐBSCL còn thấp.
- Đầu tư phân tán, thiếu tập trung.
- Thiếu những đột phá chính sách có tính liên ngành, nội vùng, liên vùng.



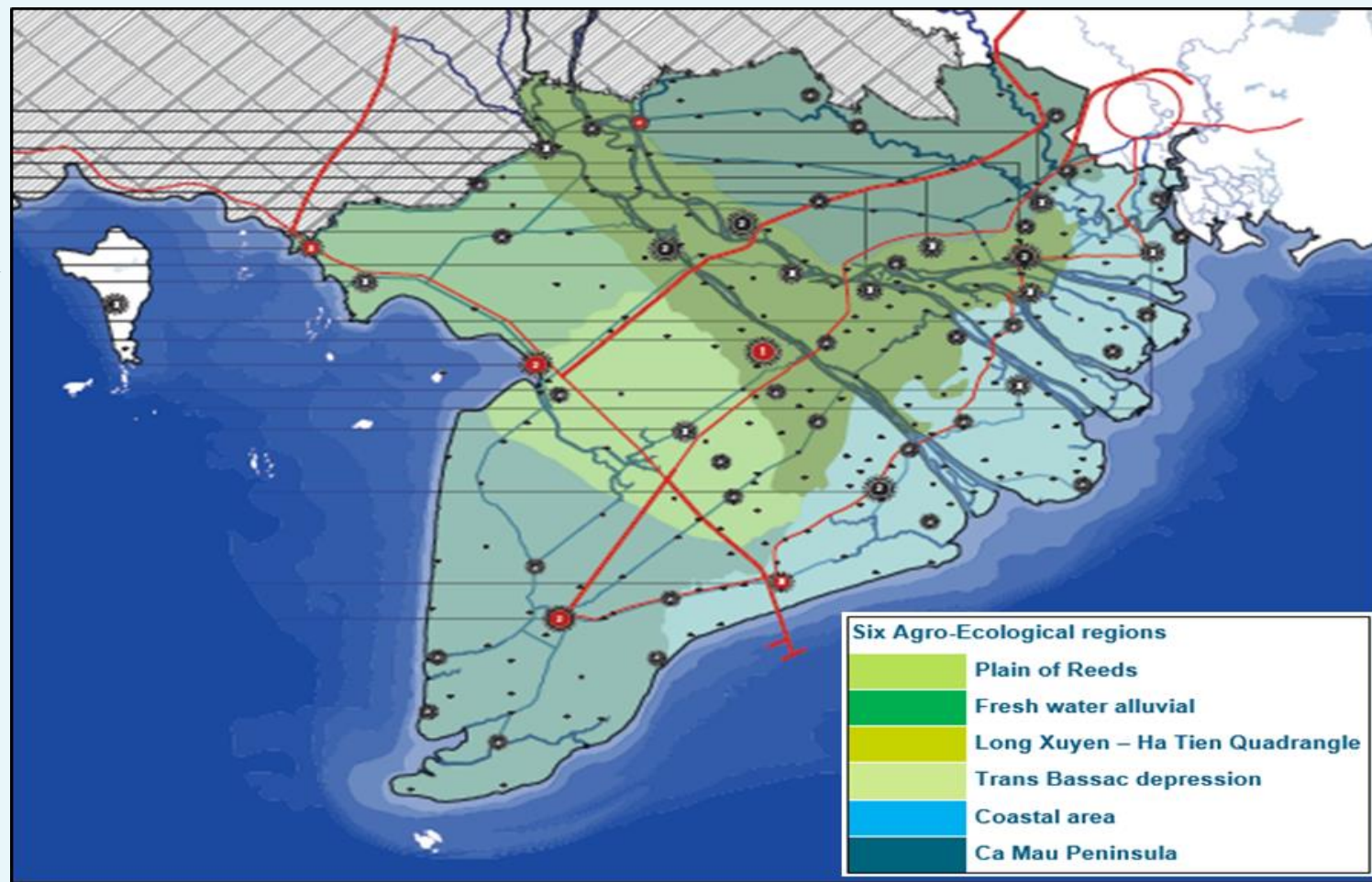
CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Chiến lược phát triển NN NT ĐBSCL

(06 vùng sinh thái nông nghiệp ở ĐBSCL)

Lựa chọn phát triển NN NT theo đặc trưng, lợi thế so sánh của từng tiểu vùng



Nguồn: Bộ Xây dựng (2018)



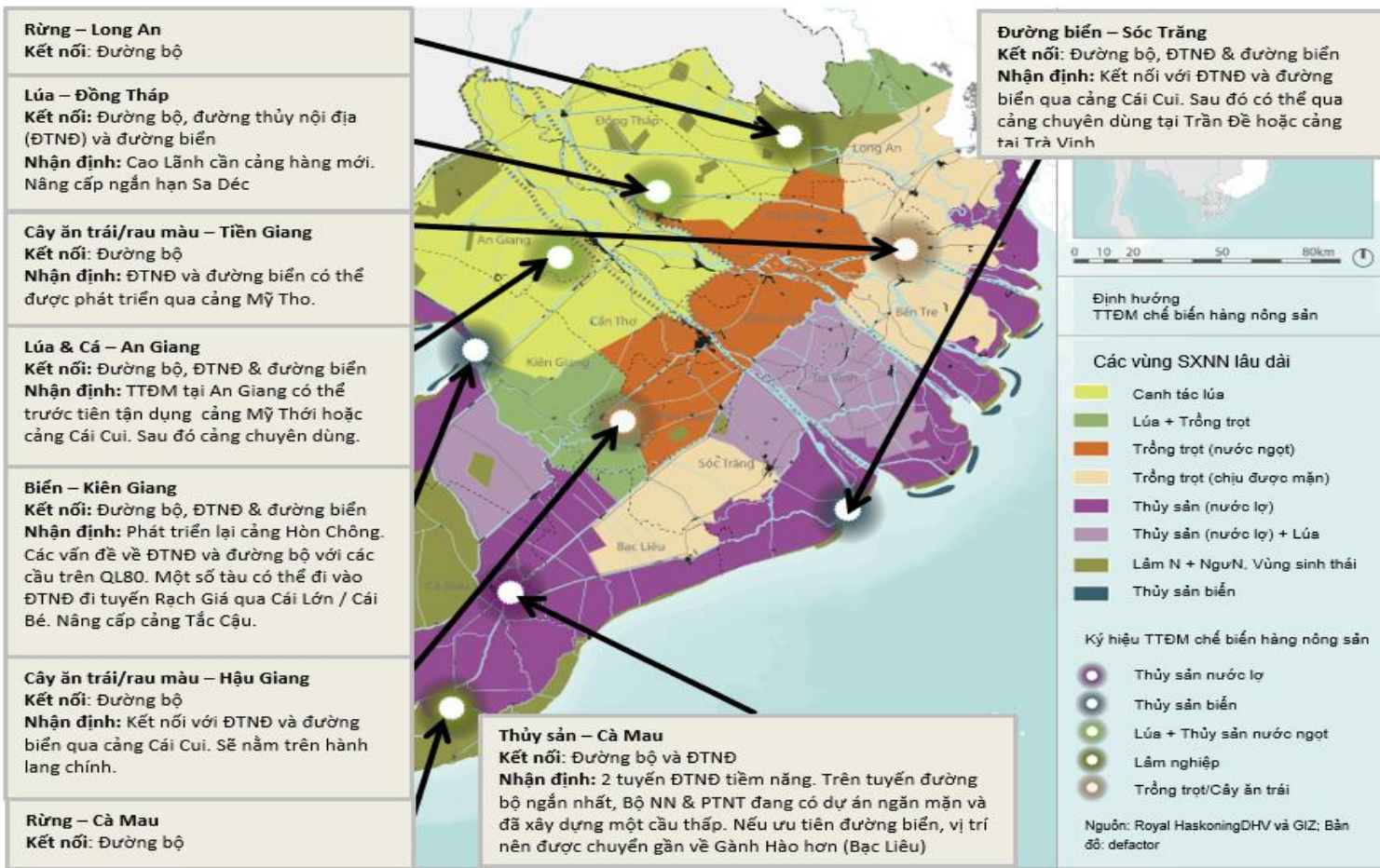
CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Chiến lược phát triển NN NT ĐBSCL

(Quy hoạch các vùng sản xuất NN chủ yếu ở ĐBSCL)

Bố trí các MH SXNN chủ lực, đặc trưng phù hợp với từng tiểu vùng



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021)



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Dự báo thời gian hoàn thành CNH-HĐH NN NT

(Các kịch bản CNH-HĐH NN NT)

Kịch bản 1: Điều kiện thế giới thay đổi **không thuận lợi + chuyển đổi MHTT chậm**. Theo kịch bản này dự kiến mục tiêu CNH-HĐH NN NT sẽ hoàn thành vào năm 2045.

Kịch bản 2: Điều kiện thế giới thay đổi **không thuận lợi + chuyển đổi MHTT nhanh**. Theo kịch bản này dự kiến mục tiêu CNH-HĐH NN NT sẽ hoàn thành vào năm 2040.

Kịch bản 3: Điều kiện thế giới **không thay đổi nhiều + quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ + chuyển đổi MHTT nhanh**. Theo kịch bản này dự kiến mục tiêu CNH-HĐH NN NT sẽ hoàn thành vào năm 2035.

Dựa trên các kịch bản trên, nhóm tác giả đề xuất cần có những nghiên cứu sâu hơn về nội dung và hệ quả của từng kịch bản để có những quyết sách ứng phó linh hoạt, kịp thời trong quá trình thực hiện CNH-HĐH NN NT.



CANTHO UNIVERSITY

KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Dự báo thời gian hoàn thành CNH-HĐH NN NT

(Kết quả dự báo)

Thời gian CNH-HĐH NN NT ở ĐBSCL chậm hơn ít nhất 10 năm so với trung bình cả nước

TT	Chỉ tiêu	KỊCH BẢN CƠ SỞ			
		ĐBSCL		VN	
		%/năm	Năm hoàn thành	%/năm	Năm hoàn thành
1	Tỷ lệ giá trị NN/giá trị GDP (%)	-1.21	2037	-0.635	2025
2	Tỷ lệ lao động NN/tổng lao động (%)	-0.15	???	-1.231	2034
3	Tỷ lệ đô thị hoá (%)	0.39	???	0.587	2042



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN

Đề xuất các mô hình CNH-HĐH NN NT

- Chuyển đổi nhanh hơn nữa MHTT → MHTT hiện đại, với các mô hình kinh tế nông nghiệp hiện đại (NN số, NN xanh, NN tuần hoàn, ...) là xương sống của nền kinh tế ĐBSCL
- Tạo ra các ngành kinh tế trong lĩnh vực NN mạnh, mũi nhọn → Công nghệ giống, công nghệ chế biến, phát triển theo chuỗi các ngành hàng chủ lực,
- XD thể chế kinh tế thị trường đầy đủ → PT thị trường đất đai, PT kinh tế tư nhân ở nông thôn



KẾT QUẢ & THẢO LUẬN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

CANTHO UNIVERSITY

- Chuyển dịch nguồn lực nội ngành và giữa các ngành theo hướng tăng NSLĐ, tăng hàm lượng KH-CN, và đổi mới MHTT.
- Căn cứ vào các tiêu chí PTBV quốc gia, các chỉ tiêu phát triển, chỉ tiêu TTKT cần được cân đối, đồng bộ hóa trong MHTT hiện đại.
- Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.
- Xây dựng lộ trình cụ thể phát triển KH-CN, ĐMST, kinh tế số trong lĩnh vực NN NT.
- Tăng cường đầu tư cho NN NT.



KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

- Nguồn lực đầu tư của ĐBSCL và cho ĐBSCL chưa nhiều.
- ĐBSCL đối mặt với nghịch lý đầu tư cho giáo dục và KH-CN (Ngắn hạn vs. Dài hạn).
- Điểm nghẽn lớn và cũng là động lực quan trọng cho phát triển là kết cấu hạ tầng nội vùng và liên vùng.
- Nghịch lý phát triển của ĐBSCL: nhiều tiềm năng về tài nguyên NN nhưng cũng là điểm nghẽn lớn trong chuyển đổi MHTT của vùng.
- Quá trình CNH-HĐH nói chung và CNH-HĐH NN NT nói riêng ở ĐBSCL còn chậm và cần được đầu tư nguồn lực nhiều hơn & chuyển đổi MHTT nhanh hơn.



KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

KIẾN NGHỊ

(TRIỂN KHAI CÔNG CUỘC CNH-HĐH NN NT)

- Một là, xây dựng các đề án quốc gia, cấp vùng, và cấp tỉnh về CNH HĐH NN NT giai đoạn 2025-2045.
- Hai là, thực hiện các nghiên cứu về bối cảnh, xu thế của những thay đổi lớn trên thế giới nhằm lựa chọn, thực hiện các chính sách lớn phù hợp về MHTT, CNH-HĐH trong quá trình thực hiện CNH-HĐH NN NT.
- Ba là, đồng bộ hoá chiến lược phát triển KT-XH và chiến lược CNH-HĐH NN NT.



KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

KIẾN NGHỊ

(KIẾN TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN)

- Một là, thực thi có hiệu quả và hiệu lực các chính sách liên kết nội vùng, liên vùng.
- Hai là, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm về giao thông, cảng biển, logistics nội vùng, liên vùng.
- Ba là, phát triển mạnh về kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế số (lưu ý tính trẻ trong chính sách).



KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

KIẾN NGHỊ

(KIẾN TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN)

- Bốn là, XD các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng KH-CN trọng điểm.
- Năm là, phát triển CNCB, CNHT ưu tiên phục vụ cho ngành nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.
- Sáu là, khai thác và đẩy mạnh phát triển du lịch đặc thù, mang đậm bản sắc vùng ĐBSCL.



CANTHO UNIVERSITY

XIN CẢM ƠN.